

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Light

ECOFITZ S1P LOW

ECOFITZS1P

FITZ S1P th ế h ệ thứ 2 v l đệu **thân trên tái** ch ế **dành cho môi** g **làm** việ c nh ẹ **nhàng**

Giày bảo h ộ ECOFITZ S1 có phần trên làm t đệ 82% vả ế , ót bằ tái gđh ướ 100%, mũi thép và khả năng thoáng khí, mang l ẹ nhàng rư trong môi khô ráo.

CO₂ 8.60 kg



GRY



BLK



538



683



NAV

Những vật liệu cao cấp hơ ệt kim tái h ế (82% tái chế)	
ót bên trong i tái chế lướ	
trong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 P / SR, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t thép	0.613 kg
ẩn hóa iêu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022





Phần **trên thoáng khí** Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c **mang** lạ lâu hơn.



SRC rướ là mộ trong những tính năng quan trọng của giày bảo hộ SRC. Để đạt được chứng nhận SRA trả SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Mũi giày an toàn bằng **thép** Giá đỡ khỏi chấn hoặc rơ i chắ ng



T **SJ** BỘ ấm lót chân T chống tĩ nhiệ vừa văn, dẫn hướng và hấp thụ sốc ượ ót chân và bàn T thoáng khí và hút ẩm.



iữa bằng **thép** **thép** đâm thủng được làm bằng thép không phủ và ngăn các xâm i hoặc nhập từ đế ngoài.



X ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Xây dựcần g, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hàm nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l diệu t **kim tái** ch ế **(82% tái** ch ế) **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntấm ớ h ơ	? 0.8		37	iờ	mg/cm/g
	Top: h nụ số h ơ	? 15		88		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** th ế ớ					
	L ớp **lót:** ntấm ớ h ơ	? 2		54	iờ	mg/cm/g
	lót: h nụ số h ơ	? 20		288		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**PU**					
	Ch ố n trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150		91		mm
	a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28		0.47		ma sát
	a đế ngoài SRA	? 0.32		0.51		ma sát
	a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13		0.20		ma sát
	ế ngoài SRB	? 0.18		0.24		ma sát
	Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
	Giá t	0.1 - 100		10		megaohm
	Hấp thụ năng l ủ gót chân	? 20		29		J
Đ ứ n g đầ **Thép**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		17.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		19		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khiếu có l é thuyên và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		6.32		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.60 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		14%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng cách công cụ tính toán [illegible] Giầy đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com